TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-ST
Ngày: 31-7-2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Kinh Ngây, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956.

Bà Võ Thị S, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: số 442/1, ấp Kinh Ngây, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Anh T và ông N có mặt; bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp, vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S nhiều lần đến cửa hàng của anh để mua vật tư nông nghiệp. Sau khi kết toán thì vợ chồng ông N, bà S còn nợ Anh T số tiền là 64.356.000 đồng.

Anh T nhiều lần đến nhà vợ chồng ông N, bà S để đòi số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nhưng ông N, bà S không chịu thanh toán mà cứ hẹn lần lựa kéo dài từ đó cho đến nay.

Nay Anh T yêu cùa vợ chồng vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 64.356.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 08/6/2018 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Võ Thị S vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2020, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/6/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N và bà Võ Thị S là vợ chồng. Trước đây, vợ chồng ông bà có nuôi heo, số lượng khoảng 100 con. Khi vợ chồng ông nuôi heo thì có mua thức ăn gia súc tại cửa hàng anh Nguyễn Văn T (Thành Nga). Tuy nhiên, do nuôi heo bị lỗ nên vợ chồng ông N, bà S hiện nay không còn nuôi nữa. Khi ngưng nuôi heo thì vợ chồng ông vẫn còn nợ tiền thức ăn gia súc của Anh T. Tuy nhiên số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông N không rõ, nhưng ông ước lượng khoảng vài chục triệu đồng. Riêng số tiền cụ thể thì vợ ông là bà Võ Thị S biết do giấy tờ mua bán bà S cât giữ.

Đối với số tiền còn nợ do mua thức ăn gia súc của Anh T khoảng vài chục triệu đồng thì ông N và vợ là bà Võ Thị S cũng đồng ý trả nhưng xin đợi hốt hụi xong sẽ thanh toán đủ.

Về việc anh Nguyễn Văn T khởi kiện tại Tòa án thì ông N có thông báo cho vợ là bà Võ Thị S biết toàn bộ nội dung và có thông báo toàn bộ quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như các lần Tòa án triệu tập để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T là chính đáng và có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, ông Nguyễn Văn N cũng có ý kiến thừa nhận còn nợ anh Nguyên Văn Thành tiền mua thức ăn khoảng vài chục triệu đồng và cũng đồng ý trả.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bà Võ Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà S là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dấn sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N có ý kiến thừa nhận như sau: "ông bà có nuôi heo, số lượng khoảng 100 con. Khi vợ chồng ông N, bà S nuôi heo thì có mua thức ăn gia súc tại cửa hàng anh Nguyễn Văn T (Thành Nga). Tuy nhiên, do nuôi heo bị lỗ nên vợ chồng ông N, bà S hiện nay không còn nuôi nữa. Khi ngưng nuôi heo thì vợ chồng ông N, bà S vẫn còn nợ tiền thức ăn gia súc của Anh T. Tuy nhiên số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông N không rõ, nhưng ông N ước lượng khoảng vài chục triệu đồng. Riêng số tiền nợ cụ thể thì vợ ông là bà Võ Thị S biết do giấy tờ mua bán bà S cât giữ".

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T vẫn giữ yêu cầu đòi ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S phải cùng chịu trách nhiệm trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ theo là 64.356.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."; tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: ".... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ..." và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định " Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án

giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do Anh T cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của Anh T và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của Anh T, nhưng phía bà Võ Thị S không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của Anh T, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do Anh T cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Mặt khác, ông Nguyễn Văn N cũng xác định: "việc anh Nguyễn Văn T khởi kiện tại Tòa án thì ông N có thông báo cho vợ là bà Võ Thị S biết toàn bộ nội dung và có thông báo toàn bộ quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như các lần Tòa án triệu tập để làm việc". Như vậy, bà Võ Thị S phải biết và đã biết cụ thể số tiền mà Anh T khởi kiện nhưng vẫn không có ý kiến phản đối gì. Cho nên, bà Võ Thị S đã tự tước bỏ quyền chứng minh, quyền cung cấp chứng cứ của mình, do không có ý kiến phản đối nên mặc nhiên thừa nhận số tiền mà Anh T khởi kiện là đúng sự thật.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T: Xét thấy, giữa anh Nguyễn Văn T cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S đã có giao dịch mua bán hàng hóa là vật tư nông nghiệp với hình thức mua trả tiền sau khi nhận hàng và hiện còn 64.356.000 đồng chưa tất toán là có thật. Tuy nhiên, từ ngày 08/6/2018 cho đến nay, anh Nguyễn Văn T cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S đã ngừng các giao dịch mua bán nhưng ông N và bà S không thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 64.356.000 đồng cho Anh T là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Anh T. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh T là phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 431, Điều 433 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 08/6/2018 cho đến ngày xét xử

Xét thấy, như đã nhận trên, việc ông N và bà S không trả tiền vốn mua vật tư nông nghiệp còn nợ cho Anh T trong khoảng thời gian từ ngày 08/6/2018 cho đến nay là không thực hiện đúng theo quy định về nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên, ý kiến của Anh T yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ là 64.356.000 đồng, nức lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/6/2018 cho đến ngày 31/8/2020 (ngày xét xử) là chính đáng và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

64.356.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 02 năm 01 tháng 23 ngày) = **13.763.389 đồng.**

[6] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440, Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 64.356.000 đồng và 13.763.389 đồng tiền lãi do chậm trả, cộng chung là **78.119.389 đồng (bảy mươi tám triệu một trăm mười chín ngàn ba trăm tám mươi chín đồng).**

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.608.900 đồng (một triệu sáu trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng)** theo biên lai thu số 0004088 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S phải cùng chịu **3.905.969 đồng (ba triệu chín trăm lẻ năm ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng)** tiền án phí DSST.

Án xử công khai, anh Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Bà Võ Thị S không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy